

# ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP thực hiện mục tiêu kinh tế vĩ mô

TRONG GIAI ĐOẠN  
HIỆN NAY



● PGS, TS. HOÀNG XUÂN QUẾ

Hiện nay nền kinh tế đã có những chuyển biến và diễn biến tích cực nên Chính phủ đã có chủ trương chuyển từ chính sách kích cầu tiêu dùng và kích cầu đầu tư sang thực hiện các giải pháp kích thích tăng trưởng kinh tế, tập trung vẫn là chính sách tài chính – tiền tệ. Song một loạt vấn đề được đặt ra cần chủ động về cả nhận thức và xây dựng chính sách tài chính – tiền tệ, để ra giải pháp đối với nền kinh tế sau giai đoạn suy giảm. Trong số đó có thể kể đến một số vấn đề cần chú ý sau đây:

◆ Khả năng lạm phát sẽ quay trở lại do tác động của chính sách kích cầu tiêu dùng, kích cầu đầu tư trong nền kinh tế nếu không được kiểm soát tốt, dư nợ cho vay của hệ thống ngân hàng tăng cao so với dự kiến và so với mục tiêu đề ra. Đặc biệt là hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà

nước. Một số Tập đoàn, Tổng công ty đang phát sinh nợ quá hạn Ngân hàng thương mại với con số đáng quan tâm, như Vinashin, Cienco 1,... Bên cạnh đó, dư nợ cho vay nói chung đối với nền kinh tế của hệ thống ngân hàng thương mại và Tổ chức tín dụng dự báo đến hết năm 2009 tăng tới 37,73% so với cuối năm 2008 và cao gấp 1,5 lần mức dự kiến ban đầu là 22%. Một vấn đề đáng chú ý tiếp theo là thâm hụt ngân sách năm 2009 ở mức khoảng 6,9% so với GDP và dự báo sẽ tăng cao hơn trong năm 2010, dự báo sẽ lên tới khoảng trên 7,0%, mặc dù Quốc hội thông qua Nghị quyết mức 6,2%. Đó là chưa tính tới khoản chi từ nguồn trái phiếu Chính phủ. Bên cạnh đó, nợ Chính phủ năm 2008 ở mức 35,5% so với GDP, năm 2009 khoảng 40% GDP và năm 2010 tới khoảng 44%.

◆ Sức ép tăng lãi suất trên thị trường rất lớn. Đến cuối tháng 12/2009, hầu hết các NHTM đã tăng lãi suất huy động vốn nội tệ lên kịch trần thoả thuận giữa các NHTM là 10,49%/năm và có khoảng cách rất gần với giới hạn tối đa về lãi suất cho vay theo quy định của NHNN là 12%/năm (không quá 150% so với lãi suất cơ bản.

Nhiều NHTM đã tăng lãi suất cho vay thoả thuận bằng Đồng Việt Nam. Tình hình đó tạo áp lực tăng chi phí đầu vào của doanh nghiệp, người sản xuất kinh doanh, tăng giá bán và tăng mặt bằng giá trong nền kinh tế, tạo áp lực gia tăng lạm phát.

◆ Tỷ giá Đồng Việt Nam so với USD trong năm 2009 đã tăng khá. Tỷ giá VNĐ/USD tháng 12/2009 so với tháng 12/2008 tăng tới 10,70%. Sự biến động đó gây tác động nhiều chiều đến nền kinh tế. Cụ thể là, phần nào góp phần tác động tích cực đến xuất khẩu, nhưng giá hàng nhập khẩu tính ra Đồng Việt Nam tăng mạnh, giá bán các mặt hàng nhập khẩu hay linh kiện và thiết bị nhập ngoại tăng lên, điển hình là giá vàng, giá bán lẻ xăng dầu, ô tô, thiết bị điện tử, vi tính, văn phòng và điện lạnh, thiết bị viễn thông, hoá chất, thuốc chữa bệnh và thiết bị y tế, nguyên liệu dệt may và nguyên liệu mặt hàng giày da xuất khẩu, phôi thép, thiết bị điện... Nợ nước ngoài cũng tăng, kể cả nợ của Chính phủ và nợ của doanh nghiệp. Tất cả những diễn biến đó tác động lên mặt bằng giá chung trên thị trường. Đồng thời tác động lên tình trạng đô la hoá trong nền kinh tế. Bởi vậy, tỷ giá vẫn là vấn đề thu

hút sự quan tâm lớn của dư luận.

◆ Sự biến động của thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản. Thị trường chứng khoán trở sụt bất thường. Đặc biệt là sự tăng trưởng nóng của thị trường nhà đất ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh kể từ cuối tháng 10/2009. Đồng thời, thị trường vàng cũng tăng trưởng nóng. Đến cuối tháng 11/2009, giá nhà đất tại một số khu đô thị phía Tây Hà Nội tăng gấp khoảng 2 lần so với đầu năm. Bên cạnh, đó giá nhóm hàng vật liệu xây dựng và nhà ở tính bình quân tháng 12/2009 tăng 12,58% so với tháng 12/2008. Giá vàng liên tục bứt phá lên mức cao nhất từ trước đến nay, ngày 13/11/2009, có thời điểm tăng lên trên 2,9 triệu đồng/lượng. Tình hình đó một mặt tác động lên mặt bằng giá tiêu dùng chung trong cả nước, tác động lên lạm phát. Mặt khác một loạt câu hỏi được đặt ra là vốn tín dụng ngân hàng bị thu hút bao nhiêu sang đầu tư vào 3 thị trường có nhiều rủi ro đó.

◆ Những vấn đề khác về chính sách tiền tệ, chính sách tài chính, chính sách thương mại, xuất nhập khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài cũng còn nhiều nội dung cần tháo gỡ... Đặc biệt là chính sách giảm nhập siêu, giảm thâm hụt cán cân vãng lai, giảm thâm hụt ngân sách, chính sách thuế nhập khẩu mặt hàng ô tô,... Thêm vào đó là các dự án lớn có hoàn thành dứt điểm, đúng tiến độ hay không, vốn đầu tư phát sinh bao nhiêu so với dự toán ban đầu.

**Từ thực trạng và dự báo nói trên đòi hỏi phải có những giải pháp thích hợp về:**

◆ Thực hiện mục tiêu vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững vừa chủ động kiểm chế lạm phát trong điều hành chính sách tiền tệ và chính sách tài chính. Nếu hãm tín dụng lại có thể góp phần kiểm chế lạm phát, nhưng sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu kích thích nền kinh tế, mục tiêu tăng trưởng GDP được Quốc hội thông qua là 6,5% trong năm 2010. Song nếu thực hiện chính sách tài chính và chính sách tiền tệ nói lỏng, đầu tư vốn thiếu hiệu quả và kiểm soát không tốt, sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu kiểm chế lạm phát. Theo tác giả bài viết Việt Nam trong giai đoạn hiện nay cần ưu tiên cho kích thích tăng trưởng kinh tế, kết hợp với việc kiểm soát chặt chẽ hiệu quả vốn cho vay của các NHTM cũng như vốn đầu tư có nguồn gốc từ Ngân sách Nhà nước. Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay của hệ thống ngân hàng chỉ nên coi là chỉ tiêu định hướng, mà vấn đề cơ bản nhất là phải dựa trên cơ sở các dự án, phương án xuất khẩu, sản xuất kinh doanh

có hiệu quả của các đối tượng khách hàng. Bên cạnh đó, cần đổi mới phương pháp tính lạm phát phù hợp với thông lệ quốc tế. Trên cơ sở đó, trong phân tích diễn biến chỉ số CPI có thể thấy rõ đâu là nguyên nhân từ tiền tệ, từ mở rộng tín dụng, từ thực hiện chính sách tài khoá và đâu là nguyên nhân của biến động giá các mặt hàng quan trọng trên thị trường quốc tế, do quản lý giá cả, để giảm sức ép dư luận lên điều hành chính sách tiền tệ và chính sách tài chính.

**...Cần kết hợp hài hoà hay cân bằng lợi ích giữa người gửi tiền và vay vốn. Nói cách khác vừa huy động được vốn trong xã hội vào hệ thống ngân hàng để cho vay; nhưng mặt khác lãi suất cho vay phải đảm bảo được sức chịu đựng của doanh nghiệp, của người vay vốn...**



◆ Có lộ trình thực hiện lãi suất thích hợp để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, của khách hàng vay vốn tại các TCTD. Nhưng mặt khác bảo đảm huy động được vốn trong xã hội và hệ thống ngân hàng và không duy trì quá lâu cơ chế "bao cấp" qua hỗ trợ lãi suất, làm gia tăng thêm nguy cơ thâm hụt ngân sách nhà nước. Nguyên tắc chung là cần kết hợp hài hoà hay cân bằng lợi ích giữa người gửi tiền và vay vốn. Nói cách khác vừa huy động được vốn trong xã hội vào hệ thống ngân hàng để cho

vay; nhưng mặt khác lãi suất cho vay phải đảm bảo được sức chịu đựng của doanh nghiệp, của người vay vốn. Việc tăng lãi suất lên cao có thể sẽ tác động phần nào đến khả năng huy động vốn, song bên cạnh việc gây khó khăn cho khách hàng vay vốn thì còn tác động đến mặt bằng giá trong nước. Bởi vậy nên ổn định các loại lãi suất chủ đạo của Ngân hàng Nhà nước, trên cơ sở đó ổn định lãi suất cho vay của các NHTM, nhưng cũng phải linh hoạt nhất định. Từ tháng 12/2009, lãi suất cơ bản do NHNN công bố tăng từ 7%/năm lên 8%; Lãi suất tái cấp vốn cũng được điều chỉnh lên 8%/năm; lãi suất tái chiết khấu điều chỉnh lên 6,0%/năm và lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng lên 8%/năm. Các quyết định đó của NHNN bên cạnh mặt tác động tích cực thì cũng làm cho mặt bằng lãi suất trong nền kinh tế tăng lên, tác động làm tăng mặt bằng giá trên thị trường xã hội, tác động nhất định lên chính sách tài chính. Do vậy NHNN cần có biện pháp quản lý chặt chẽ lãi suất cho vay thoả thuận. Bên cạnh đó tỷ lệ dự trữ bắt buộc nên giảm để hỗ trợ cho các NHTM không tạo áp lực tăng lãi suất cho vay vốn trên thị trường và không gặp khó khăn về năng lực tài chính trong điều kiện khoảng cách chênh lệch giữa lãi suất cho vay và lãi suất huy động vốn bình quân của NHTM ngày càng thu hẹp. Nếu không thì NHNN cũng nên ổn định tỷ lệ dự trữ bắt buộc. Về phía các NHTM cũng cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa, đa dạng các sản phẩm dịch vụ, đổi mới hoạt động giao dịch, hiện đại hoá công nghệ,... tạo điều kiện thu hút vốn có hiệu quả từ xã hội vào NHTM, thay cho phương thức truyền thống, "cổ điển" là chạy đua tăng lãi suất huy động vốn.

◆ Chính sách quản lý ngoại hối và điều hành tỷ giá thích ứng với diễn biến trong tình hình mới theo mục tiêu đã định. Cần chủ động hơn trong can thiệp thị trường ngoại tệ cũng như các biện pháp kỹ thuật khác trong điều hành tỷ giá. Đặc biệt là thu hẹp khoảng cách giữa tỷ giá chính thức, tức là tỷ giá mua bán của NHTM với khách hàng và tỷ giá trên thị trường tự do. Theo hướng này từ ngày 26/11/2009, tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố đã tăng 5,4% so với trước đó. Đồng thời biên độ giao dịch tỷ giá của NHTM đối với khách hàng cũng đã được điều chỉnh từ  $\pm 5\%$  giảm xuống còn  $\pm 3\%$ . Trong khi đó, thời điểm đầu năm 2009, cụ thể là ngày 24/3/2009, NHNN

đã quyết định nới rộng biên độ giao dịch tỷ giá của NHTM với khách hàng từ  $\pm 3\%$  tăng lên  $\pm 5\%$ . Trong thời gian tới NHNN nên điều hành tỷ giá theo hướng ổn định. Bên cạnh đó mặc dù trong năm 2009, NHNN đã ban hành quy định quản lý chặt chẽ hoạt động của các đại lý thu đổi ngoại tệ, nghiêm cấm việc mua bán ngoại tệ trái phép và kiểm soát chặt chẽ việc niêm yết bán hàng bằng ngoại tệ, song thị trường tự do về ngoại tệ vẫn sôi động và có tỷ giá ở mức khoảng cách khá so với tỷ giá chính thức của NHTM. Vì vậy các ngành: quản lý thị trường, một số ngành khác có liên quan cần phối hợp chặt chẽ với ngành ngân hàng nhằm tăng cường hơn nữa việc quản lý các đơn vị bán hàng thu bằng ngoại tệ cũng như các bàn thu đổi ngoại tệ được uỷ nhiệm của NHTM.

◆ Tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng một cách có hiệu quả, đảm bảo an toàn hệ thống tài chính tiền tệ, nhất là hoạt động ổn định của các NHTM. Bản thân các NHTM cần rà soát lại các quy định trong quản trị điều hành cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ. Tự bản thân mình đảm bảo an toàn hoạt động của mình là chính. Còn Ngân hàng Nhà nước tiếp tục đổi mới hoạt động thanh tra giám sát, chuyển mạnh sang giám sát rủi ro hoạt động của các NHTM.

◆ Chính phủ thực hiện các biện pháp phù hợp tiếp tục đổi mới, cơ cấu lại doanh nghiệp, cơ cấu lại nền kinh tế và hệ thống tài chính - ngân hàng. Đặc biệt là cơ cấu lại, làm lành mạnh tình hình tài chính và đổi mới hoạt động của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước. Tiếp tục kế hoạch cổ phần hoá, bán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước. Đánh giá lại mô hình Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước để có điều chỉnh thích hợp, nhất là việc hạn chế xu hướng mở rộng quá nhiều chức năng trong khi vốn và năng lực quản lý hạn chế. Đồng thời nâng cao trách nhiệm sử dụng vốn của Nhà nước cấp cho các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước.

◆ Các vấn đề khác có liên quan, như kiểm soát thị trường bất động sản, ổn định thị trường chứng khoán và thị trường vàng. Việc NHNN không cho phép NHTM thực hiện lãi suất cho vay thoả thuận đầu tư vào bất động sản và chứng khoán... kể từ trung tuần tháng 11/2009 là cần thiết để hạn chế rủi ro tín dụng trong lĩnh vực này. Tuy nhiên phản ứng của NHNN, cơ quan chức năng cho phép nhập khẩu vàng trở lại kể từ giữa tháng 11/2009 sau khi giá

vàng trong nước lên tới 2,9 triệu đồng/lượng và luôn có khoảng cách cao hơn so với giá thị trường thế giới được cho là phản ứng kịp thời, có hiệu quả. Song từ thực tế đó cũng cho thấy, các đơn vị chức năng thuộc NHNN cũng cần linh hoạt và chủ động hơn trong việc tham mưu cho ban lãnh đạo điều hành nhạy bén hơn trong thời gian tới.

◆ Tập trung tháo gỡ sự trì trệ của các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và các dự án khác. Nếu tháo gỡ kịp thời, chỉ đạo kiên quyết tiến độ thực hiện dự án, làm đồng bộ khâu giải phóng mặt bằng, sẽ cho phép giải ngân một lượng lớn số vốn đầu tư của cả ngân sách nhà nước, nguồn vốn khác của chủ dự án, vốn tín dụng ngân hàng, ước tính lên tới hàng nghìn tỷ đồng, thậm chí hàng chục nghìn tỷ đồng. Trong số đó có những dự án kéo dài tới vài năm, thậm chí trên 10 năm đến nay vẫn triển khai ì ạch do công tác giải phóng mặt bằng. Trên cơ sở đó tạo nhu cầu tiêu thụ khối lượng lớn vật tư, nguyên,

nhiên vật liệu và tạo số đông việc làm cho người lao động. Một vấn đề quan trọng khác là phát huy hiệu quả vốn đầu tư của dự án tại các giai đoạn trước, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, lưu thông hàng hoá. Đây rõ ràng là một kênh kích cầu rất lớn và có hiệu quả.

◆ Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và huy động các nguồn khác tăng cường đầu tư cho các dự án xã hội, như trường học, bệnh viện, ký túc xá cho sinh viên, nhà ở cho công nhân, nhà ở cho người có thu nhập thấp. Tình trạng quá tải của các bệnh viện thời gian qua liên tục được đưa lên công luận. Tình trạng trường học nghèo nàn, nhà ở công vụ cho giáo viên thiếu ở các vùng miền núi cũng hết sức bức xúc. Đặc biệt là tình trạng thiếu nhà ở cho công nhân ngoại tỉnh, thiếu ký túc xá cho sinh viên.

Chỉ riêng tại thành phố Hồ Chí Minh theo tính toán, hơn 320.000 sinh viên, trong đó 70% là người ngoại tỉnh có nhu cầu về thuê nhà ở, nhưng chỉ có 17% tổng số sinh viên được ở trong các ký túc xá do nhà nước xây dựng. Cũng tại thành phố Hồ Chí Minh có gần 900.000 công nhân đang làm việc trong các doanh nghiệp trên địa bàn thì có khoảng 70% có nhu cầu thuê nhà ở. Bên cạnh đó 130.000 người đang làm việc trong khu vực quản lý nhà nước, lực lượng vũ trang, trong đó có khoảng 15%, tương ứng với trên 20.000 người gặp khó khăn về nhà ở. Còn theo thống kê của Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, hiện nay có 334.000 công nhân có nhu cầu thuê nhà ở. Do đó đầu tư vào lĩnh vực ký túc xá, nhà ở cho người thu nhập thấp, trường học, bệnh viện,... là lĩnh vực kích cầu rất có hiệu quả lại giải quyết được các vấn đề xã hội rất lớn.

◆ Tăng cường kiểm soát chống thất thu thuế, gian lận thuế, buôn lậu. Đồng thời kiểm soát các giao dịch nội gián trên thị trường chứng khoán hay các hành vi khác thao túng giá trên thị trường này.

◆ Cần có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ hơn nữa trong xây dựng và điều hành chính sách tài chính, chính sách tiền tệ, nhất là trong đấu thầu tín phiếu kho bạc, trái phiếu chính phủ, lãi suất của hai hình thức huy động vốn đó cho ngân sách nhà nước; trong quản lý tiền gửi của Kho bạc Nhà nước tại các NHTM, trong xử lý các vấn đề khác ■

**...Việc NHNN không cho phép NHTM thực hiện lãi suất cho vay thoả thuận đầu tư vào bất động sản và chứng khoán, kể từ trung tuần tháng 11/2009 là cần thiết để hạn chế rủi ro tín dụng trong lĩnh vực này...**



Nguồn tài liệu tham khảo:

- www.sbv.gov.vn
- www.mof.gov.vn
- Cổng thông tin của Chính phủ
- Một số nguồn khác